



QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA HOÀ GIẢI VIÊN VÀ HỆ QUẢ CỦA VIỆC VI PHẠM QUY TẮC NÀY THEO CÔNG ƯỚC SINGAPORE VỀ HOÀ GIẢI

Nguyễn Hưng Quang¹

Tóm tắt: Quy tắc ứng xử hay quy tắc đạo đức của hoà giải viên có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động hoà giải. Quy tắc hướng dẫn cho các hoà giải viên biết về những công việc, hành vi nên làm hoặc nên tránh trong quá trình hoà giải. Quy tắc giúp cho các bên tranh chấp nắm bắt được các điều kiện, yêu cầu đối với hoà giải viên. Pháp luật về hoạt động hoà giải thương mại của Việt Nam và Công ước Singapore về hoà giải đều có những quy định đòi hỏi các hoà giải viên cần phải đáp ứng các yêu cầu của quy tắc ứng xử hay quy tắc đạo đức trong hoạt động hoà giải. Trong hoạt động hoà giải thương mại, nhiều trung tâm hoà giải thương mại của Việt Nam và trên thế giới đã xây dựng và áp dụng các quy tắc ứng xử của riêng mình. Dựa trên những yêu cầu về hành vi ứng xử của các hoà giải viên theo Công ước Singapore, Việt Nam cần sớm ban hành hướng dẫn về quy tắc đạo đức ứng xử trong hoạt động hoà giải để thống nhất những điều kiện chung cho hoạt động hoà giải thương mại và thuận tiện cho việc thực thi Công ước Singapore sau khi gia nhập.

Từ khoá: Quy tắc đạo đức, quy tắc ứng xử, hoà giải thương mại, Công ước Singapore.

Nhận bài: 16/12/2022. **Hoàn thành biên tập:** 30/12/2022. **Duyệt đăng:** 05/01/2023.

Abstract: The code of conduct or the code of ethics for mediators has important meaning for mediation activity. The code guides mediators to tasks, acts to be done or to avoid in mediation. The code helps parties of the dispute know conditions and requirements for mediators. Both legal regulations on commercial mediation of Vietnam and the Singapore Convention on mediation have regulations requiring mediators to meet requirements from the code of conduct or the code of ethics in mediation. In commercial mediation, many commercial mediation centers in Vietnam and in the world have developed and applied their codes of conduct. Basing on requirements from the code of conduct for mediators under the Singapore Convention, Vietnam should issue and give guidance on the code of conduct in mediation soon to have common conditions for commercial mediation and to make favorable condition for enforcement of the Singapore Convention after joining.

Keywords: The code of ethics, the code of conduct, commercial mediation, the Singapore convention.

Date of receipt: 16/12/2022. **Date of revision:** 30/12/2022. **Date of approval:** 05/01/2023.

1. Đặt vấn đề

Theo pháp luật Việt Nam, hoà giải viên chỉ có vai trò “làm trung gian hoà giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp”, “đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp”². Theo Công ước Liên Hợp Quốc về Thoả thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải được ký kết tại Singapore (Công ước Singapore) thì “hòa giải là một thủ tục, bất kể cách diễn đạt được sử dụng hay căn

cứ mà thủ tục này được thực hiện, nhờ đó các bên nỗ lực giải quyết tranh chấp một cách thân thiện với sự hỗ trợ của bên thứ ba (hòa giải viên) không có thẩm quyền áp đặt giải pháp cho các bên tranh chấp”³. Giải quyết tranh chấp bằng hoà giải được coi là phương thức “các bên cùng thắng” hay phương thức giải quyết tranh chấp mà công lý do các bên tự thiết lập⁴. Để bảo đảm cho ưu điểm này của hoà giải, pháp luật Việt

¹ Luật sư, Chủ tịch của Trung tâm Hoà giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC) – thành viên của Hội luật quốc tế Việt Nam, Hoà giải viên của Trung tâm Giải quyết tranh chấp hiệu quả (CEDR) của Anh Quốc, Hoà giải viên vụ việc được Sở Tư pháp Hà Nội công nhận, Luật sư sáng lập và điều hành của Văn phòng luật sư NH Quang & Cộng sự.

² Điều 3, Điều 14 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hoà giải thương mại.

³ Điều 2.3 Công ước Singapore

⁴ Nguyễn Hưng Quang, (2019), *Hoà giải – Xu thế giải quyết tranh chấp thương mại trong thời kỳ hội nhập*, trong sách Luật Quốc tế và những vấn đề thực tại Việt Nam do Nguyễn Hồng Thao (chủ biên), Hội Luật Quốc tế, Nxb Thanh Niên, tr. 237-253.

Nam đã đặt ra 03 nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại gồm (i) nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; (ii) nguyên tắc giữ bí mật; (iii) nguyên tắc nội dung của thoả thuận hoà giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba⁵.

Những đặc điểm và nguyên tắc hoà giải nêu trên đòi hỏi hoà giải viên phải có kỹ năng, kiến thức chuyên môn và uy tín. Đặc biệt, hoà giải viên cần phải xây dựng một quy trình hoà giải thích hợp đối với tranh chấp theo nguyện vọng của các bên hoặc tuân thủ quy tắc hoà giải của tổ chức hoà giải mà các bên tranh chấp lựa chọn⁶ phù hợp với các nguyên tắc nêu trên. Bên cạnh quy tắc hoà giải, quy tắc ứng xử nghề nghiệp hay quy tắc đạo đức là điều kiện cần để các hoà giải viên có biện pháp ứng xử phù hợp với các nguyên tắc của hoà giải do pháp luật quy định và duy trì, nâng cao kỹ năng và uy tín của hoà giải viên.

2. Vai trò của quy tắc ứng xử nghề nghiệp hay quy tắc đạo đức đối với hoạt động hoà giải

Quy tắc ứng xử (QTUX) hay quy tắc đạo đức (QTĐĐ) có vai trò quan trọng trong việc hình thành tính chuyên nghiệp và đạo đức của người hành nghề luật. Theo Từ điển Luật học, “*quy tắc là những chuẩn mực trong xử sự hoặc là những quy định về các công việc, quy trình, thủ tục bắt buộc phải thực hiện trong một hoạt động chung, được thể hiện dưới hình thức quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, buộc các tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành và được bảo đảm thực hiện bằng sức cưỡng chế của Nhà nước*”⁷. Pháp luật Việt Nam không phân biệt giữa QTĐĐ và QTUX mặc dù Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có các thuật ngữ “*quy tắc đạo đức*

nghề nghiệp”, “*quy tắc đạo đức kinh doanh*” và “*quy tắc ứng xử*”. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, “*Quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh là chuẩn mực ứng xử phù hợp với đặc thù chuyên môn, nghề nghiệp của người hành nghề, người hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm liêm chính trong hành nghề, kinh doanh*”⁸. “*Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng*”⁹.

Theo Robert W. Kolb, QTUX nghề nghiệp là “*quy định những tiêu chuẩn về hành vi bằng cách quy định những hành vi được kỳ vọng hoặc bị nghiêm cấm thực hiện dành cho các thành viên hoặc người có nguyện vọng trở thành thành viên của một tổ chức nghề nghiệp/hội*”¹⁰. Còn theo Grundstein-Amado, QTĐĐ nghề nghiệp là một “*tuyên bố nguyên tắc mô tả hành vi ứng xử nghề nghiệp kiểu mẫu và hướng dẫn các cá nhân giải quyết các vấn đề đạo đức*”¹¹. Frankel lại cho rằng QTĐĐ nghề nghiệp “*vừa là nền tảng vừa là kim chỉ nam cho hành vi ứng xử nghề nghiệp trong những tình huống thuộc khoảng mờ về mặt đạo đức*”¹².

Tóm lại, QTĐĐ bắt nguồn từ cách tiếp cận dựa trên các phẩm chất (*value-based approach*). Loại quy tắc này tập trung vào các phẩm chất mang tính khái quát thay vì các hướng dẫn cụ thể cho hành vi. QTĐĐ vừa là nền tảng vừa là kim chỉ nam cho hành vi ứng xử nghề nghiệp trong những tình huống thuộc khoảng mờ về mặt đạo đức. QTĐĐ cung cấp cho các thành viên của mình một khung khái quát xác định các phẩm chất chung và cung cấp hỗ trợ, đào tạo và huấn luyện cho việc áp dụng các giá trị này hàng ngày trong các tình huống thực tế. Còn QTUX là một

⁵ Điều 4 Nghị định 22/2017/NĐ-CP; Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

⁶ Điều 14 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

⁷ Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách Khoa – Nxb Tư pháp, tr. 644.

⁸ Khoản 1 Điều 78 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

⁹ Khoản 1 Điều 79, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

¹⁰ Robert W. Kolb (2008), *Bách khoa toàn thư về Đạo đức và xã hội kinh doanh (Encyclopedia of Business Ethics and Society)*, tập 1, tr. 329.

¹¹ Grundstein-Amado, R., (2001), *Chiến lược xây dựng và thực hiện các quy tắc đạo đức trong các tổ chức dịch vụ công (A strategy for formulation and implementation of codes of ethics in public service organizations)*, Tạp chí quốc tế về hành chính (International Journal of Public Administration), 24 (5), tr. 462.

¹² Frankel, M.S., (1989), *Quy tắc nghề nghiệp: Tại sao, như thế nào và với tác động gì (Professional codes: Why, how, and with what impact?)*, Tạp chí đạo đức kinh doanh (Journal of Business Ethics), 8(2), tr. 109

công cụ điển hình của cách tiếp cận quản lý toàn diện dựa trên quy tắc (*rule-based approach*). QTUX sẽ mô tả, cụ thể và rõ ràng nhất có thể, hành vi nào được kỳ vọng thực hiện. QTUX cũng sẽ thiết lập các trình tự nghiêm ngặt để thực thi quy tắc thông qua giám sát có hệ thống và chế tài người vi phạm.

Như vậy, QTĐĐ, QTUX đều có chung mục đích là điều chỉnh hành vi của nhóm đối tượng tuân thủ QTĐĐ, QTUX. Các nghiên cứu về vai trò và chức năng của QTĐĐ, QTUX nói chung cũng thường tập trung vào việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của QTĐĐ, QTUX lên hành vi của các đối tượng tuân thủ¹³. Thông thường, QTĐĐ, QTUX sẽ điều chỉnh hành vi theo 02 (hai) hướng, bao gồm: (i) định hướng hành vi theo những tiêu chuẩn nhất định và (ii) dự đoán và ngăn chặn một số loại hành vi lệch chuẩn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với vai trò định hướng hành vi theo những tiêu chuẩn nhất định. Vai trò này thường được thể hiện qua việc quy định những nguyên tắc, phẩm chất, tiêu chuẩn cũng như những hành vi được khuyến khích và hành vi bắt buộc phải thực hiện mà cơ quan, tổ chức ban hành mong muốn nhóm đối tượng áp dụng của QTĐĐ, QTUX tuân thủ. Thông thường, những nguyên tắc, phẩm chất, tiêu chuẩn, hành vi được khuyến khích hay bắt buộc tuân thủ cũng sẽ phản ánh mục tiêu và nhiệm vụ của đối tượng tuân thủ đã được xác định một cách có hệ thống và xuyên suốt trong một thời kỳ cụ thể.

Thứ hai, đối với vai trò dự đoán và ngăn chặn một số loại hành vi lệch chuẩn, ví dụ như những hành vi dẫn đến một số tình huống như xung đột lợi ích, hối lộ và những hành vi không phù hợp khác¹⁴, những hành vi này được ngăn chặn bằng những quy định cụ thể về việc không được phép thực hiện những hành vi kể trên. Do đó, một số quốc gia đã luật hoá nhiều QTĐĐ, QTUX trong lĩnh vực quản trị công và cả khu vực tư để hình thành được ý thức tuân thủ tốt, trong đó có Việt Nam¹⁵. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay cơ quan, tổ chức ban hành QTĐĐ, QTUX đều có thể coi đây là một căn cứ để xem xét, đánh giá hoặc xử lý kỷ luật nhằm hạn chế các hành vi lệch chuẩn của đối tượng áp dụng¹⁶. Điển hình của việc luật hoá các QTĐĐ, QTUX trong khu vực công bao gồm Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán 2018¹⁷, Quy tắc ứng xử ngành Kiểm sát nhân dân 2020¹⁸, Quy tắc ứng xử Kiểm sát viên¹⁹... hoặc Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng 2012²⁰, Chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ²¹... Đối với một số lĩnh vực thay vì luật hoá QTĐĐ hay QTUX, quy định pháp luật đưa ra các tiêu chí và quy định yêu cầu người hành nghề phải ban tuân thủ QTĐĐ, QTUX do tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc tổ chức hành nghề ban hành, như luật sư²², hoà giải viên²³, trọng tài viên²⁴...

Trong hoạt động hoà giải thương mại, các hoà giải viên thường xác định tuân thủ một quy tắc ứng xử nghề nghiệp (QTUX) hay quy tắc đạo đức

¹³ Stuart C. Gilman, *Ethics Codes and Code of Conduct as Tools for Promoting an Ethical and Professional Public Service: Comparative Successes and Lessons*, World Bank, 2005, <https://www.oecd.org/mena/governance/35521418.pdf>, truy cập ngày 15/08/2022.

¹⁴ Stuart C. Gilman, Sdd.

¹⁵ Quyết định số 2721/QĐ-BNV ngày 28/12/2018 về Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên, Mục II.1.c

¹⁶ Liên hợp quốc (United Nations), Sdd, trang 6

¹⁷ Quyết định số 87/QĐ-TCTP của Hội đồng giám sát tuyển chọn Thẩm phán quốc gia ngày 04/07/2018 ban hành Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán 2018.

¹⁸ Quyết định số 08/QĐ-VKSTC của Viện kiểm sát tối cao ngày 16/01/2020 về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành kiểm sát nhân dân.

¹⁹ Quyết định số 46/QĐ-VKSTC của Viện kiểm sát tối cao ngày 20/02/2017 ban hành Quy tắc ứng xử Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa, phiên họp của Tòa án.

²⁰ Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy tắc hành nghề công chứng.

²¹ Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

²² Điều 5, 6, 7, 40, 61, 65, 74, 77, 85, 89 Luật Luật sư.

²³ Điều 9, Điều 10, Điều 24 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

²⁴ Điều 21 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

nghe nghiệp (QTĐĐ) cùng với quy tắc hoà giải theo thoả thuận sử dụng hoà giải với các bên tranh chấp²⁵. Hoà giải tranh chấp không phải phương pháp giải quyết “vô luật”, nói cách khác, “phá vỡ các quy định pháp luật”. Hoà giải là phương pháp giải quyết tranh chấp có tính đa dạng trong việc áp dụng các quy định pháp luật và quy tắc xử sự trên thực tế. Như đã nêu ở trên, hoạt động hoà giải thương mại phải tuân thủ các quy định pháp luật, các quy tắc xử sự bao gồm cả QTUX hay QTĐĐ, và văn hoá kinh doanh, pháp lý²⁶.

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP) cũng yêu cầu hoà giải viên thương mại có các nghĩa vụ, như: (i) Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử của hoà giải viên thương mại; (ii) độc lập, vô tư, khách quan, trung thực; Tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội; (iii) Bảo vệ bí mật thông tin về vụ tranh chấp mà mình tham gia hoà giải, trừ trường hợp các bên có thoả thuận bằng

văn bản hoặc theo quy định của pháp luật; (iv) Thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòa giải; (v) Không được đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên, không được đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác; và (vi) các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan²⁷.

Như vậy, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã lựa chọn áp dụng quy tắc đạo đức và ứng xử mà không chỉ giới hạn ở bất kỳ một loại quy tắc nào. Hiện nay, các tổ chức hoà giải thương mại, như Trung tâm hoà giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC), Trung tâm Hoà giải Việt Nam (VMC) thuộc Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) và một số tổ chức hoà giải thương mại khác đã ban hành quy tắc đạo đức ứng xử hoà giải viên. Mỗi trung tâm đều có cách tiếp cận riêng về việc xây dựng quy tắc (xem Bảng 1).

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP cũng đặt ra 03

Bảng 1:

Phương pháp xây dựng quy tắc đạo đức ứng xử hoà giải viên của một số tổ chức hoà giải

TỔ CHỨC HOÀ GIẢI	Loại quy tắc
Trung tâm Hoà giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC) ²⁸	QTUX
Trung tâm Hoà giải Việt Nam (VMC) ²⁹	QTĐĐ
Trung tâm Trọng tài quốc tế Hà Nội (HIAC) ³⁰	QTĐĐ
Trung tâm Trọng tài thương mại Miền Trung (MCAC) ³¹	QTĐĐ
Singapore International Mediation Institute (SIMI) (Singapore) ³²	QTUX
Centre for Effective Dispute Resolution (CEDR) (Anh Quốc) ³³	QTUX
American Bar Association (ABA) (Hoa Kỳ) ³⁴	QTUX

²⁵ Michel Kallipetis, *Singapore Convention Defences Based on Mediator's Misconduct: Articles 5.1(e) & (f)*, Cardozo Journal of Conflict Resolution 20, no. 4 (Summer 2019): 1197-1208.

²⁶ Zachary Calo, *Mediation Ethics after the Singapore Convention*, American Journal of Mediation 14 (2021), tr. 77.

²⁷ Điều 9 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

²⁸ Trung tâm Hoà giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC), *Quy tắc đạo đức và ứng xử hoà giải viên*, https://vicmc.vn/wp-content/uploads/2022/07/VICMC_Quy-tac-Dao-duc-va-Ung-xu-cua-HGV.pdf, truy cập 10/09/2022.

²⁹ Trung tâm hoà giải Việt Nam (VMC), *Quy tắc đạo đức và nghề nghiệp hoà giải viên*, <https://www.vmc.org.vn/goc-nhin-hoa-giai-vien/quy-tac-dao-duc-va-nghe-nghiep-hoa-giai-vien-a789.html>, truy cập 10/09/2022.

³⁰ Trung tâm Trọng tài quốc tế Hà Nội (HIAC), *Quy tắc đạo đức hoà giải viên Trung tâm Trọng tài quốc tế Hà Nội*, <https://hiac.vn/quy-tac-dao-duc-hoa-giai-vien/quy-tac-dao-duc-hoa-giai-vien-trung-tam-13426>, truy cập 10/09/2022.

³¹ Trung tâm Trọng tài thương mại Miền Trung (MCAC), *Quy tắc đạo đức hoà giải viên*, <https://mcac.vn/quy-tac-dao-duc-hoa-giai>, truy cập 10/09/2022.

³² Singaporean International Mediation Institute (SIMI), *Code of Professional Conduct*, <https://www.imimmediation.org/practitioners/code-professional-conduct/>, truy cập 10/09/2022.

³³ Centre for Effective Dispute Resolution (CEDR), *Code of Conducts for Third Party Neutrals*, <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2020/01/Code-of-Conduct-for-Third-Party-Neutrals.pdf>, truy cập 10/09/2022.

³⁴ Mediate.com, *Model Standards of Conduct*, https://www.mediate.com/model-standards-of-conduct/#LinkTarget_391, truy cập 10/09/2022.



nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại được quy định tại, gồm (i) nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; (ii) nguyên tắc giữ bí mật; (iii) nguyên tắc nội dung của thỏa thuận hoà giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba³⁵. Những yêu cầu này sẽ giúp cho xây dựng quy tắc đạo đức và ứng xử của hoà giải viên Việt Nam của các tổ chức hoà giải thương mại.

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và các quy định về công nhận thỏa thuận hoà giải thành ngoài Tòa án của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không có quy định nào về xử lý vi phạm đối với hoà giải viên vi phạm các quy tắc đạo đức ứng xử do các tổ chức hoà giải thiết lập hoặc vi phạm vào các tiêu chuẩn đạo đức ứng xử chung cũng như không từ chối hiệu lực của thỏa thuận hoà giải thành từ hành vi của hoà giải viên vi phạm. Nếu hòa giải viên thương mại có hành vi không thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòa giải; tiết lộ thông tin về vụ việc, khách hàng mà mình biết được trong quá trình hòa giải; nhận, đòi hỏi tiền, lợi ích khác ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận; Hoạt động hòa giải thương mại mà không đủ tiêu chuẩn làm hòa giải viên thương mại; hoặc đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên hoặc đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải thì sẽ bị phạt tiền và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm³⁶.

3. Công ước Singapore với các yêu cầu ràng buộc về quy tắc đạo đức và/hoặc quy tắc ứng xử

Công ước Liên hợp quốc về các thỏa thuận giải quyết tranh chấp quốc tế thông qua hòa giải đã được Ủy ban Liên Hợp quốc về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL) thông qua bản dự thảo cuối cùng vào ngày 26/06/2018³⁷ và đi đến ký kết tại Singapore vào ngày 07/08/2019. Công ước đã có hiệu lực vào ngày 12/09/2020. Với 46 thành viên tham gia ngay khi Công ước được mở cho các quốc gia ký kết vào ngày 07/08/2019 và tính đến thời điểm viết bài này thì tổng số quốc gia tham gia Công ước là 55³⁸ đã cho thấy kỳ vọng của các quốc gia, cộng đồng doanh nghiệp về một cơ chế mới để giải quyết các tranh chấp xuyên biên giới³⁹. Cùng với 02 công ước khác áp dụng cho giải quyết tranh chấp quốc tế là: Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958) và Công ước Hauge 2005 về Thỏa thuận lựa chọn Tòa án (Công ước Hauge 2005), Công ước Singapore sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp lý điều chỉnh các cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, giúp cho các bên tranh chấp có thể lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp nhất⁴⁰.

Công ước Singapore chỉ áp dụng cho các thỏa thuận hòa giải đáp ứng tất cả các tiêu chí sau: (i) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp đạt được giữa các bên phải là kết quả của hoạt động hoà giải; (ii) Thỏa thuận giải quyết tranh chấp phải được ký kết bằng văn bản; (iii) Tranh chấp giữa các bên phải có tính chất thương mại; (iv) Tranh chấp giữa các bên phải có tính chất quốc tế (ví dụ: ít nhất hai bên tham gia thỏa thuận hoà giải có địa điểm kinh doanh ở các quốc gia khác nhau...)⁴¹.

Công ước Singapore có phạm vi áp dụng rất

³⁵ Điều 4 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

³⁶ Điều 30 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

³⁷ Ben Davidson và Michael Lo, *The Singapore Mediation Convention: a way forward for international dispute resolution*, Corrs Chambers Westgarth, 05/06/2019, <https://corrs.com.au/insights/the-singapore-mediation-convention-a-way-forward-for-international-dispute-resolution>, truy cập 10/09/2022

³⁸ Singapore Convention on Mediation, *Background to the Convention*, <https://www.singaporeconvention.org/convention/about>, truy cập 18/09/2022.

³⁹ International Mediation Institute, *The Singapore Convention: A First Look*, <https://www.imimmediation.org/2018/10/22/the-singapore-convention-a-first-look/>; N.T., *Ký kết công ước Singapore về Hòa giải của LHQ trong giải quyết tranh chấp thương mại*, Báo Nhân dân điện tử, 07/08/2019, <https://www.nhandan.com.vn/thegioi/item/41129002-ky-ket-cong-uoc-singapore-ve-hoa-giai-cua-lhq-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai.html>, truy cập 10/09/2022.

⁴⁰ Nadja Alexander và Shouyu Chong, *The New UN Convention on Mediation (aka the 'Singapore Convention') – Why it's Important for Hong Kong*, *Hong Kong Lawyer*, 04/2019, <http://www.hk-lawyer.org/content/new-un-convention-mediation-aka-%E2%80%98singapore-convention%E2%80%99%E2%80%93why-it%E2%80%99s-important-hong-kong>, truy cập 10/09/2022; Zachary Calo, *Sđd*, tr. 74-75.

⁴¹ Điều 1.1 và 2.2 Công ước Singapore.

rộng và không bị đường biên giới hạn chế⁴². Sự hạn chế của Công ước Singapore thể hiện ở quy định không được phép áp dụng lên các thỏa thuận hòa giải đã được ghi nhận bởi Toà án hoặc trọng tài⁴³.

Tuy nhiên, Công ước Singapore có quy định về các căn cứ từ chối trợ giúp hỗ trợ cho thi hành thỏa thuận hoà giải thành tại Điều 5⁴⁴. Các quy định tại khoản 1 từ đoạn (a) đến đoạn (d) về căn cứ từ chối trợ giúp hỗ trợ cho thi hành thỏa thuận hoà giải thành có nhiều điểm tương tự như căn cứ từ chối của Công ước New York 1958 và đó là những quy định về thủ tục hợp lệ (due process) và căn cứ về sự khách quan trong tiến trình giải quyết tranh chấp⁴⁵. Đặc biệt hai quy định tại Điều 5.1(e) “*nếu có sự vi phạm nghiêm trọng của hòa giải viên về tiêu chuẩn áp dụng cho hoà giải viên hoặc tiến trình hoà giải mà nếu không có sự vi phạm đó thì các bên không thể tiến tới thỏa thuận hoà giải thành*”⁴⁶ và Điều 5.1 (f) “*nếu hoà giải viên không cung cấp đầy đủ các thông tin, tình huống dẫn đến nghi ngờ về sự vô tư hoặc độc lập của hoà giải viên và việc không cung cấp thông tin đó đã tác động đáng kể hoặc ảnh hưởng quá mức tới một bên mà nếu không có hành vi không cung cấp thông tin đó thì bên này sẽ không tiến tới thỏa thuận hoà giải thành*”⁴⁷ là những quy định riêng của Công ước Singapore⁴⁸. Các quy định này đòi hỏi các hoà giải viên cần phải tuân thủ QTĐĐ và/hoặc QTUX trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

Quy định của Điều 5.1(e) đòi hỏi hoà giải viên phải không “*vi phạm nghiêm trọng*” 02 “*tiêu chuẩn*” áp dụng đối với hoà giải viên (như QTĐĐ, QTUX) và đối với tiến trình hoà giải (như quy tắc hoà giải). Công ước không xác định “*tiêu chuẩn*” nào để làm căn cứ xác định cho các hành vi vi

phạm. Bên cạnh đó việc xác định mức độ “*vi phạm nghiêm trọng*” khác với các mức độ khác cũng chưa được giải thích rõ ràng và cụ thể nên một bên muốn phản đối việc công nhận thỏa thuận hoà giải thành theo Công ước thì cần phải tham chiếu đến luật điều chỉnh và các quy tắc liên quan đến hoạt động hoà giải⁴⁹. Trong trường hợp Công ước không xác định “*tiêu chuẩn*” chung thì những “*tiêu chuẩn*” tại các quốc gia (như các QTĐĐ, QTUX của tổ chức hoà giải) sẽ được áp dụng vì việc tuân thủ QTĐĐ, QTUX được coi như là tuân thủ thỏa thuận hoà giải⁵⁰. Toà án tại quốc gia thực hiện tiến trình hoà giải sẽ xem xét và quyết định về hành vi vi phạm vào các QTĐĐ, QTUX và quy tắc hoà giải và mức độ “*nghiêm trọng*” của hành vi đó⁵¹.

Tương tự như quy định của Điều 5.1(e), quy định của Điều 5.1(f) cũng đòi hỏi Toà án phải xác định mức độ “*đáng kể*” hoặc “*ảnh hưởng quá mức*” của hành vi vi phạm. Điều 5.1(f) xác định trách nhiệm “*vô tư*” (impartiality), và “*độc lập*” (independence) của hoà giải viên. Việc xác định nội hàm “*vô tư*”, “*độc lập*” sẽ phụ thuộc nhiều vào văn hoá pháp lý, hệ thống pháp luật, khả năng nhận thức của thẩm phán tại các quốc gia khác nhau⁵². Tiêu chí về “*vô tư*”, “*độc lập*” cũng được quy định tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Tương tự như Công ước Singapore, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP cũng không giải thích cụ thể 02 tiêu chí này mà để hoàn toàn vào khả năng chứng minh của các bên, quy tắc của tổ chức hoà giải và quyết định của Toà án⁵³.

Thông qua cơ chế từ chối trợ giúp hỗ trợ cho thi hành thỏa thuận hoà giải thành theo các căn cứ tại Điều 5.1(e) và 5.1(f), Công ước Singapore thúc đẩy sự phát triển và áp dụng các QTĐĐ hoặc QTUX trong hoạt động hoà giải⁵⁴.

⁴² Zachary Calo, Sđd, tr.73.

⁴³ Điều 1.3 Công ước Singapore.

⁴⁴ Điều 5 Công ước Singapore.

⁴⁵ Đoàn Thanh Huyền và các tác giả, (2021), *Báo cáo Đánh giá khả năng gia nhập Công ước Liên Hợp Quốc về thỏa thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải của Việt Nam*, Bộ Tư pháp – Chính phủ Vương quốc Anh – Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc – Dự án Thúc đẩy Môi trường kinh doanh công bằng ASEAN, tr. 20; Eunice Chua, *The Singapore Convention on Mediation – A Brighter Future for Asian Dispute Resolution*, Asian Journal of International Law, 9 (2019), tr. 195-205; Zachary Calo, Sđd, tr. 82.

⁴⁶ Điều 5.1(e) Công ước Singapore.

⁴⁷ Điều 5.1(f) Công ước Singapore.

⁴⁸ Zachary Calo, Sđd, tr. 82.

⁴⁹ Michel Kallipetis, sđd.

⁵⁰ Đoàn Thanh Huyền và các tác giả, sđd, tr. 20; Michel Kallipetis, sđd.; Zachary Calo, Sđd, tr. 83.

⁵¹ Michel Kallipetis, sđd.

⁵² Michel Kallipetis, sđd.

⁵³ Đoàn Thanh Huyền và các tác giả, sđd, tr.20; Michel Kallipetis, sđd.; Zachary Calo, Sđd, tr. 83.

⁵⁴ Zachary Calo, Sđd, tr. 77.